

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính | 4 - 5 |
| 4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 | 6 |
| 5. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 | 7 |
| 6. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 | 8 - 26 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật,... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 3 năm 2019.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3827 0527
- Fax : +84 (028) 3821 8010

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đông Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2020 |
| | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Khánh Linh | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Đức Hiếu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Phạm Việt Lan Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Lê Ngọc Hùng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Phạm Việt Lan Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Thanh Tịnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Đoàn Thị Thu Sương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Tạ Hoàng Sơn | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Trương Thị Thùy Trang | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020 |

Ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------------|--------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Hiếu | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2018 |
| Ông Trịnh Tấn Lực | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Giám đốc Tài chính | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2018 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Hiếu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi là “các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”) trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã được lập và trình bày phù hợp với các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

TM. Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A 01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1222/20/TC-AC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 26. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi là “các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận và nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập và giới hạn về sử dụng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số II.1 và thuyết minh số III mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời, như trình bày ở thuyết minh số II.2, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020


Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước


BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.


Trần Thị Pháp
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Phấn
Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ


Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

| STT | Các chỉ tiêu | Thuyết minh | Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng (VND) |
|-----|--|-------------|--|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | IV | 20.062.887.185 |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | V | 8.431.715.928 |
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | VI | 50.000.000.000 |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | | 78.494.603.113 |
| 5 | Vốn khả dụng | VII | 344.234.565.798 |
| 6 | Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4) (%) | | 438,55% |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020


Trần Thị Pháp
Người lập
Nguyễn Thị Ngọc Phần
Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ
Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật,....

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 3 năm 2019.

2. Địa chỉ liên hệ

Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi lần thứ 8 của Công ty ban hành ngày 22 tháng 5 năm 2020.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

• Quy mô vốn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 369.703.583.831 VND, tổng tài sản là 382.931.038.048 VND.

• Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

• Hạn chế đầu tư:

Công ty thực hiện theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung như sau:

- Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
- Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu vào tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
- ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc:
Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 29 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 26 nhân viên).

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính (“Thông tư số 87”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Thông tư số 87 có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 và thay thế cho Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu về an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

2. Mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

3. Đồng tiền báo cáo

Công ty thực hiện lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bằng Đồng Việt Nam (VND).

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định tại Thông tư số 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 87, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chính mười (90) ngày, cụ thể như sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (thuyết minh số III.2.1);
- Các khoản tăng thêm (thuyết minh số III.2.2);
- Vốn khác (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản bảo đảm để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài sản bảo đảm;
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ với các tổ chức và cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài sản bảo đảm;
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Đối với các khoản mục giảm trừ khỏi vốn khả dụng được bảo đảm bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau:

- Giá trị sổ sách của khoản mục giảm trừ;
- Giá trị tài sản bảo đảm cho khoản mục giảm trừ được xác định bằng: Khối lượng tài sản bảo đảm x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường) theo thuyết minh số III.4.3.

Giá thị trường của tài sản được xác định theo quy định của Thông tư số 87. Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi giá trị các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thỏa mãn tất cả quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Thông tư số 87.

C.T.C
Y
N
OÁN
NG
CHÍNH

49
4C
HIỆP
N
8
T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường tài sản của Công ty biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số lượng chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Thông tư số 87.

3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn 2 tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của trái phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: giá mua, mệnh giá, giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế: giá niêm yết trên hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có), giá mua, mệnh giá, giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết căn cứ giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom căn cứ giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, giá mua, giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, mệnh giá, giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị cổ phiếu là giá trị tối thiểu trong các giá trị sau: giá từ các báo giá, giá của kỳ báo cáo gần nhất, giá trị sổ sách, giá mua, giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, giá mua/ giá trị vốn góp, giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD; các khoản cho vay đối với các tổ chức và cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả các chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Thông tư số 87.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

4.2 Giá trị tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Thông tư số 87.

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

| STT | Loại hình giao dịch | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|--|---|
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm | Toàn bộ giá trị khoản cho vay |
| 2 | Cho vay chứng khoán | $\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)}), 0\}$ |
| 3 | Vay chứng khoán | $\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản bảo đảm} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$ |
| 4 | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại | $\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$ |
| 5 | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại | $\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$ |
| 6 | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | $\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$ |

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại chi phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo thuyết minh số III.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo thuyết minh số III.3.2.

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

| STT | Thời gian | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|--|---|--|
| A- Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới) | | |
| 1 | Trước thời gian nhận thanh toán | 0 |
| 2 | Sau thời gian nhận thanh toán | $\text{Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)}$ $0 \text{ (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)}$ |
| B- Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty) | | |
| 1 | Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | 0 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Thời gian | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|---|---|
| 2 | Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) 0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch) |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết), hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

c. *Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

4.3 Giảm trừ giá trị tài sản bảo đảm

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản bảo đảm = Khối lượng tài sản x Giá trị tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức và cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức và cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức và cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ rỗng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác.

IV. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro (VND) | Giá trị rủi ro (VND) |
|--|--|------------------|---------------------|----------------------|
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | | |
| 1 | Tiền mặt (VND) | 0 | 3.771.071 | - |
| 2 | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty | 0 | 18.674.420.282 | - |
| 3 | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi | 0 | 5.586.609.590 | - |
| II. Trái phiếu Chính phủ | | | | |
| 4 | Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0 | - | - |
| 5 | Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định | | | |
| 5.1 | Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng trung ương các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD | 3 | - | - |
| III. Trái phiếu doanh nghiệp | | | | |
| 6 | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro (VND) | Giá trị rủi ro (VND) |
|---|------------------|---------------------|----------------------|
| | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại trên 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | - | - |
| 7 Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | - | - |
| Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | - | - |
| Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 35 | - | - |
| Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại trên 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40 | - | - |
| IV. Cổ phiếu | | | |
| 8 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10 | 127.193.978.650 | 12.719.397.865 |
| 9 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15 | - | - |
| 10 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20 | 32.195.220.000 | 6.439.044.000 |
| 11 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30 | - | - |
| 12 Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50 | - | - |
| V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | |
| 13 Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10 | - | - |
| 14 Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30 | - | - |
| VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | |
| 15 Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch | 40 | - | - |
| 16 Chứng khoán bị hủy niêm yết, bị hủy giao dịch | 50 | 10.700.000 | 5.350.000 |
| VII. Chứng khoán phái sinh | | | |
| 17 Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu | 8 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro (VND) | Giá trị rủi ro (VND) |
|--|---|------------------|---------------------|-----------------------|
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| <p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - Giá trị chứng khoán mua vào để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x Hệ số rủi ro của Hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào Quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)</p> <p>Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở</p> | | | | |
| 18 | Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ | 3 | - | - |
| <p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - Giá trị chứng khoán mua vào để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x Hệ số rủi ro của Hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào Quỹ bù trừ đối với vị thế mở của Công ty chứng khoán).</p> <p>Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở</p> | | | | |
| VIII. Chứng khoán khác | | | | |
| 19 | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80 | - | - |
| 20 | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chỉ số đạt chuẩn | 25 | - | - |
| 21 | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn | 100 | - | - |
| 22 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh | 8 | - | - |
| 23 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 10 | - | - |
| 24 | Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành. Cách tính: Giá trị rủi ro = $(P_o \times Q_o \times k - P_1 \times Q_1) \times R - MD$ | | | - |
| 25 | Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi) | | | - |
| 26 | Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm | | | - |
| IX. Rủi ro tăng thêm | | | | |
| Nội dung | | Mức tăng | Quy mô rủi ro (VND) | Giá trị rủi ro (VND) |
| 27. | Tổng công ty Viglacera - CTCP | 10% | 4.572.000.000 | 457.200.000 |
| 28. | Công ty Cổ phần Pymepharco | 10% | 4.418.953.200 | 441.895.320 |
| Tổng giá trị rủi ro thị trường (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX) | | | | 20.062.887.185 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

V. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

| | Giá trị rủi ro (VND) |
|---|-------------------------|
| Rủi ro trước thời hạn thanh toán (thuyết minh số V.1) | 5.431.715.928 |
| Rủi ro quá thời hạn thanh toán (thuyết minh số V.2) | 3.000.000.000 |
| Rủi ro tăng thêm | - |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 8.431.715.928 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

1. Rủi ro trước hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

| Loại hình giao dịch | Hệ số rủi ro (%) | Giá trị rủi ro (VND) | | | | Tổng giá trị rủi ro (VND) |
|--|---|----------------------|------|------|---------------|---------------------------|
| | | 0% | 0,8% | 3,2% | 8% | |
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thành toán khác (xem thuyết minh số V.1.1) | - | - | - | 5.301.137.926 | 5.431.715.928 |
| 2 | Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - |
| 3 | Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - |
| 4 | Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - |
| 5 | Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - |
| Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán | | | | | | 5.431.715.928 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho Công ty | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 0% |
| 2 | Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán | 0,8% |
| 3 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 3,2% |
| 4 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng điều kiện khác theo quy định nội bộ Công ty | 4,8% |
| 5 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| 6 | Các tổ chức và cá nhân khác | 8% |

1.1 Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

| | Giá trị sổ sách (VND) | Hệ số rủi ro (%) | Giá trị rủi ro (VND) |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|
| Sở Giao dịch, Trung tâm lưu ký | - | 0,80 | - |
| Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính | 88.352.298.761 | 6 | 5.301.137.926 |
| Các tổ chức khác | 1.632.225.033 | 8 | 130.578.002 |
| Cộng | 89.984.523.794 | | 5.431.715.928 |

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

| | Hệ số rủi ro (%) | Qui mô rủi ro (VND) | Giá trị rủi ro (VND) |
|-------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 60 ngày trở đi | 100 | 4.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Cộng | | 4.000.000.000 | 3.000.000.000 |

VI. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

| STT | Chỉ tiêu | Giá trị (VND) |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính đến tháng 6 năm 2019 | 94.722.950.741 |
| 2 | Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (chi phí khấu hao) | 2.502.646.671 |
| 3 | Tổng chi phí sau khi giảm trừ [(3) = (1) - (2)] | 92.220.304.070 |
| 4 | 25% tổng chi phí sau khi giảm trừ [(4) = 25% (3)] | 23.055.076.018 |
| 5 | 20% vốn pháp định của Công ty | 50.000.000.000 |
| | Tổng giá trị rủi ro hoạt động (Max{4, 5}) | 50.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**VII. VỐN KHẢ DỤNG**

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND) | Khoản giảm trừ (VND) | Khoản tăng thêm (VND) |
| A | Nguồn vốn chủ sở hữu | (1) | (2) | (3) |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 360.000.000.000 | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | - | | |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | | |
| 4 | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn | - | | |
| 5 | Vốn khác của chủ sở hữu | - | | |
| 6 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | (4.669.000.000) | | |
| 7 | Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ | 98.206.965 | | |
| 8 | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 98.206.965 | | |
| 9 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | | |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 14.176.169.901 | | |
| 11 | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản | 2.000.000.000 | | |
| 12 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định | - | | |
| 13 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 14 | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | | | - |
| 15 | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính | | | - |
| 16 | Vốn khác (nếu có) | - | | |
| 1A | Tổng | | | 371.703.583.831 |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính | | | - |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | | | - |
| 2 | Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | | - |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | - |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | - |
| 3 | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | | | - |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | - |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----|---|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND) | Khoản giảm trừ (VND) | Khoản tăng thêm (VND) |
| 4 | Các khoản cho vay | | - | |
| 5 | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | | - | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | - | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | - | |
| 6 | Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | | - | |
| 7 | Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) | | - | |
| | - Các khoản phải thu có kỳ hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 802.890.410 | |
| 8 | Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết | | - | |
| 9 | Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | - | |
| 10 | Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 11 | Phải thu nội bộ | | - | |
| | - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 12 | Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 13 | Các khoản phải thu khác | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 56.610.000 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|------------|---|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND) | Khoản giảm trừ (VND) | Khoản tăng thêm (VND) |
| 14 | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | | - | |
| II | Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 1 | Tạm ứng | | - | |
| | - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 2 | Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ | | - | |
| 3 | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 1.308.423.718 | |
| 4 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | - | |
| 5 | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | - | |
| 6 | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | | - | |
| 7 | Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 8 | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 1B | Tổng | | | 2.167.924.128 |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính dài hạn | | - | |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | - | |
| 2 | Các khoản đầu tư | | - | |
| 2.1 | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | 5.000.000.000 | |
| 2.2 | Đầu tư vào công ty con | | - | |
| 2.3 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | - | |
| 2.4 | Đầu tư dài hạn khác | | - | |
| II | Tài sản cố định | | 17.548.214.740 | |
| III | Bất động sản đầu tư | | - | |
| IV | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | |
| V | Tài sản dài hạn khác | | | |
| 1 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | | 24.000.000 | |
| 2 | Chi phí trả trước dài hạn | | 833.776.278 | |
| 3 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | - | |
| 4 | Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | | 1.895.102.887 | |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | | - | |

1 - C. T.
 NG TY
 PHẦN
 KHÓA
 T CÔNG
 HỒ CHÍ

30044987
 CÔNG T
 ÁCH NHIỆM H
 M TOÁN VÀ
 A & I
 9INH - T.P.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|---|---|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND) | Khoản giảm trừ (VND) | Khoản tăng thêm (VND) |
| VI | <i>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</i> | | | - |
| | <i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 87</i> | | | - |
| 1C | Tổng | | | 25.301.093.905 |
| D | Tài khoản ký quỹ đảm bảo | | | |
| 1 | Giá trị ký quỹ | | | - |
| 1.1 | Giá trị đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh) | | | - |
| 1.2 | Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh) | | | - |
| 1.3 | Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | | - |
| 2 | Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày | | | - |
| 1D | Tổng | | | |
| Vốn khả dụng = 1A - 1B - 1C - 1D | | | | 344.234.565.798 |

VIII. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020



Trần Thị Pháp
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Phấn
Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ



Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc